TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HS-ST
Ngày 30-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Trung Thảo;

Ông Nguyễn Thanh Hùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nhàn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

- Trần Thanh T, sinh năm 1980; tên gọi khác: Nguyên; nơi sinh: Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; có vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 (ly hôn 2017) và có 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Ngày 02/11/2000 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 04 tháng 12 ngày tù giam, về tội "Trộm cắp tài sản" (Ngày 05/11/2018 bị cáo T mới nộp xong phần án phí của bản án); tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 27/10/2018; tạm giam: Ngày 29/10/2018.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Văn T, sinh năm 1982 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
Phan Thị Thanh T, sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Lê Vũ H, sinh năm 1953 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có phương tiện đi lại nên bị cáo Trần Thanh T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của ông Trần Văn T, nên khoảng 07 giờ ngày 28/8/2018 bị cáo T đến hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Future, màu sơn: đỏ đen, biển số kiểm soát 66N1 – 126.69 nói đi bắt gà, ông T đồng ý. T điều khiển xe đến khúc vắng chỗ ao nuôi cá gần Công ty H rồi dùng cây vít mang theo để mở mặt nạ xe, nối dây mát khởi động xe được mà không cần dùng chìa khóa rồi lắp mặt nạ vào như ban đầu.

Chuẩn bị xong, bị cáo T điều khiển xe về trả lại cho ông T rồi đi thành phố Cần Thơ để thuê phòng trọ và tìm nơi xin việc. Sau đó bị cáo T đón xe đò đi về lại nhà ở ấp H, xã P, huyện T. Khi đến thành phố C, tỉnh Đồng Tháp thì bị cáo điện thoại cho ông T rủ lại nhà ông Lê Vũ H để uống rượu, lúc này khoảng 16 giờ cùng ngày. Mục đích bị cáo rủ ông T lại nhà ông H nhậu để tạo điều kiện trộm xe của ông T.

Đến khoảng 18 giờ 15 phút, ngày 28/8/2018 bị cáo T chạy xe đạp đến bên hông cầu Kênh C, đậu xe bên trong đường mòn rồi đi bộ lại nhà ông H. Do lúc đó trời tối, bị cáo T nhìn vào bên trong thấy ông T và ông H đang ngồi và không thể quan sát được chỗ đậu xe nên bị cáo T lén lút dẫn xe của ông T lên đường rồi nối dây mát đạp xe nổ máy chạy lại chỗ xe đạp bị cáo đậu trước đó, cất giấu xe mô tô vừa trộm được xong, bị cáo mới chạy xe đạp lại nhà ông H và vào uống rượu chung với ông H và ông T được khoảng hơn nữa tiếng đồng hồ thì ông T nghỉ uống rượu, ra về thì phát hiện xe bị mất nên ông H truy hô. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày bị cáo điều khiển xe của ông T chạy thẳng về thành phố C và cất giấu xe trong phòng trọ.

Đến ngày 26/10/2018 bị cáo T bị Công an phường H, quận C, thành phố Cần Thơ phát hiện bắt giữ và bàn giao hồ sơ cùng đối tượng cho Công an huyện T giải quyết.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe môtô, nhãn hiệu HONDA, loại xe FUTURE, màu sơn: Đỏ- Đen, số khung 5334DY025649; số máy: JC53E1025423, biển số kiểm soát 66N1 – 126.69, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên chủ sở hữu

Trần Văn Thạnh; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn Thạnh, sinh năm 1982.

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 105, màu đen, số sê ri: 35696709264 7171, có gắn 02 sim điện thoại (01 sim mạng Mobiphone và 01 sim mạng Viettel) nhưng không kiểm tra được số sim.

- 01 đèn flash gắn cho xe mô tô, phía trên có chữ "clearwater LIGHTS".

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 28/BKLĐG ngày 29/10/2018 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: xe môtô, nhãn hiệu HONDA, loại xe FUTURE, màu sơn: Đỏ- Đen, số khung 5334DY025649; số máy: JC53E1025423, biển số kiểm soát 66N1 – 126.69, đã qua sử dụng có giá trị là 16.600.000đồng.

Tại Cáo trạng số: 35/CT-VKS-TN ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trần Thanh T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thanh T: Khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" nêu trên như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, bị hại Trần Văn T trình bày: Trong quá trình điều tra cơ quan công an đã thu hồi toàn bộ tài sản và đã trao trả cho anh Thạnh đã nhận lại xong, không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo, nhưng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Thanh T trình bày: Chị là vợ của anh T và chiếc xe mô tô là tài sản của vợ chồng, quá trình điều tra cơ quan công an đã thu hồi toàn bộ tài sản và đã trao trả nhận lại xong, chị không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo, nhưng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người làm chứng ông Lê Vũ H trình bày: Việc bị cáo T trộm cắp xe mô tô của ông T, ông H hoàn toàn không biết đến khi ông T cho hay là bị cáo T bị công an huyện T bắt ông H mới biết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Trần Thanh T, về tội "*Trộm cắp tài sản*" mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên cáo trạng.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận toàn hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội*: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản về việc bắt đối tượng trộm tài sản ngày 26/10/2018 của Công an phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; Tờ tự khai ngày 26/10/2018 của bị cáo T; Biên bản thực nghiệm điều tra ngày 31/10/2018 và Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 31/10/2018 của Công an huyện T; Bản kết luận định giá tài sản ngày 29/10/2018 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện T; Lời khai bị hại, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật đều sẽ bị trừng trị. Bản thân bị cáo có khả năng nhận thức được đều này nhưng vì muốn có phương tiện đi lại mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân mình. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên

cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa gây thiệt hại tài sản; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có ông ngoại Nguyễn Văn Mười B được Nhà nước công nhận là liệt sĩ và có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xem xét tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo chưa được xóa án tích (Do theo bản án số 47, ngày 02/11/2000 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo phải nộp 50.000đồng tiền án phí nhưng đến ngày 05/11/2018 bị cáo mới nộp xong phần án phí của bản án) mà còn thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] *Về vật chứng của vụ án*:

- Đối với 01 (một) xe môtô, nhãn hiệu HONDA, loại xe FUTURE, màu sơn: Đỏ- Đen, số khung 5334DY025649; số máy: JC53E1025423, biển số kiểm soát 66N1 – 126.69, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên chủ sở hữu Trần Văn T; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T, sinh năm 1982. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại T nhận lại xong đúng quy định nên không xem xét.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA 105, màu đen, số sê ri: 35696709264 7171. Xét thấy, tài sản này là công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp theo khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 02 (hai) sim điện thoại (01 sim mạng Mobiphone và 01 sim mạng Viettel), sim gắn trong điện thoại bị cáo nên không kiểm tra được số sim. Xét thấy tài sản này là công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là vật chứng không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp theo khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 (một) đèn flash gắn cho xe mô tô, phía trên có chữ "clearwater LIGHTS". Xét thấy tài sản này không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp theo khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản xong, không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 27 tháng 10 năm 2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. *Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:* 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA 105, màu đen, số sê ri: 35696709264 7171 của bị cáo Trần Thanh T.

2.2. *Tịch thu tiêu hủy:* 02 (hai) sim điện thoại (01 sim mạng Mobiphone và 01 sim mạng Viettel), sim gắn trong điện thoại nên không kiểm tra được số sim của bị cáo Trần Thanh T.

2.3. *Trả lại cho bị cáo Trần Thanh T*: 01 (một) đèn flash gắn cho xe mô tô, phía trên có chữ "clearwater LIGHTS".

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thanh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông